

Yêu cầu: Hãy nối các nội dung ở Cột A (Cấu trúc Thẻ) với các nội dung Cột B (Ý nghĩa/ Thuộc tính) phù hợp. (Một mục ở Cột A có thể nối với nhiều mục ở Cột B).

STT	Cột A: Cấu trúc Thẻ	Nối với	Cột B: Ý nghĩa/Thuộc tính
1	Thẻ <code><video></code>		A. Dùng để chèn một khung chứa nội dung độc lập từ một trang web/nguồn khác.
2	Thẻ <code><iframe></code>		B. Thuộc tính này hiển thị thanh điều khiển (Play, Pause, Volume) cho người dùng.
3	Thẻ <code><audio></code>		C. Thuộc tính dùng để tạo văn bản thay thế cho hình ảnh trong trường hợp ảnh không tải được.
4	Thẻ <code></code>		D. Chỉ hỗ trợ chèn file hình ảnh.
5	Thuộc tính <code>controls</code>		E. Hỗ trợ chèn file âm thanh.
6	Thuộc tính <code>alt</code>		F. Thuộc tính <code>src</code> chứa đường dẫn đến tài nguyên (file media hoặc URL).
7	Thuộc tính <code>sandbox</code>		G. Có thể sử dụng thẻ <code><source></code> bên trong để khai báo nhiều định dạng tệp khác nhau (ví dụ: .mp4, .ogg).
8	Thuộc tính <code>loop</code>		H. Thuộc tính này sẽ lặp lại nội dung (media hoặc nhúng) vô hạn.
9	Thuộc tính <code>muted</code>		I. Thuộc tính giúp tăng cường bảo mật, hạn chế các hành động nguy hiểm của nội dung được nhúng.
10	Thuộc tính <code>autoplay</code>		K. Thuộc tính này sẽ tự động phát nội dung khi trang web vừa tải xong.
			L. Thuộc tính này sẽ phát nội dung nhưng ở chế độ tắt tiếng.